

Lai Châu, ngày ..... tháng 4 năm 2020

## BÁO CÁO

TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN,  
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC  
( Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

### Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 18/06/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Sông Đà 7.02.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7.02 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty: Báo cáo tài chính năm 2019, phương án phân phối lợi nhuận và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020.

### A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019:

I – Báo cáo kiểm toán số: 230320/BCTC.KT5 ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC, (có báo cáo kèm theo).

### II – Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019:

|                                       |                        |             |
|---------------------------------------|------------------------|-------------|
| <b>1 – Tài sản ngắn hạn:</b>          | <b>25.625.894.288</b>  | <b>đồng</b> |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền: | 1.678.344.129          | đồng        |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn:        | 22.406.227.424         | đồng        |
| - Hàng tồn kho:                       | 387.982.078            | đồng        |
| - Tài sản ngắn hạn khác:              | 1.153.340.657          | đồng        |
| <b>2 – Tài sản dài hạn:</b>           | <b>265.724.360.448</b> | <b>đồng</b> |
| - Tài sản cố định:                    | 225.271.373.867        | đồng        |
| + Tài sản cố định hữu hình:           | 225.271.373.867        | đồng        |
| Nguyên giá:                           | 242.932.221.788        | đồng        |
| Giá trị hao mòn lũy kế:               | (17.660.847.921)       | đồng        |
| - Chi phí XDCB dở dang:               | 38.467.690.314         | đồng        |
| - Tài sản dài hạn khác:               | 1.985.296.267          | đồng        |
| <b>3 – Nợ phải trả:</b>               | <b>187.503.564.198</b> | <b>đồng</b> |
| - Vay và nợ tài chính ngắn hạn:       | 28.985.000.000         | đồng        |
| - Phải trả người bán ngắn hạn:        | 10.935.597.212         | đồng        |
| - Thuế và các khoản nộp Nhà nước:     | 1.653.203.603          | đồng        |
| - Phải trả người lao động:            | 582.326.401            | đồng        |
| - Chi phí phải trả ngắn hạn:          | 3.316.148.344          | đồng        |
| - Phải trả ngắn hạn khác:             | 3.339.861.810          | đồng        |
| - Quỹ khen thưởng, phúc lợi:          | 174.294.580            | đồng        |
| - Vay dài hạn ngân hàng:              | 138.517.132.248        | đồng        |



|                                      |                        |             |
|--------------------------------------|------------------------|-------------|
| <b>4 – Vốn chủ sở hữu:</b>           | <b>103.846.690.538</b> | <b>đồng</b> |
| - Vốn điều lệ:                       | 120.000.000.000        | đồng        |
| + Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7.04:   | 40.800.000.000         | đồng        |
| + Cổ đông Công ty CP Sông Đà 7 :     | 41.774.060.000         | đồng        |
| + Cổ đông Công ty CP Cao Nguyên-SĐ7: | 19.200.000.000         | đồng        |
| + Các cổ đông thể nhân khác:         | 18.225.940.000         | đồng        |
| - Thặng dư vốn cổ phần:              | (130.000.000)          | đồng        |
| - lợi nhuận chưa phân phối:          | (17.672.394.901)       | đồng        |
| - Quỹ dự phòng tài chính:            | 642.712.348            | đồng        |
| - Quỹ đầu tư phát triển:             | 1.006.373.091          | đồng        |

### III – Một số chỉ tiêu, kết quả hoạt động kinh doanh

|  |                  |      |
|--|------------------|------|
| 1 – Giá trị SXKD:                          | 36.899.476.097   | đồng |
| 2 – Tổng doanh thu thuần:                  | 32.735.668.710   | đồng |
| 3 – Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN lũy kế: | (17.672.394.901) | đồng |
| + Lợi nhuận lũy kế đến cuối kỳ trước:      | (9.258.529.039)  | đồng |
| + Lợi nhuận năm 2019:                      | (8.413.865.862)  | đồng |
| 4 – Thu nhập bình quân của CBCNV:          | 11.945.000       | đồng |
| 5 – Các khoản phải nộp NSNN:               | 6.797.675.000    | đồng |

### B – Phương án phân phối lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2019 (lỗ): - 8.413.865.862 đồng

Năm 2019 đơn vị chỉ tập trung công tác quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Thi 2 ( 8MW), đồng thời quyết toán thu hồi vốn phần dờ dang xây lắp còn lại tại các công trình nhận thầu. Do hiện tượng Elnino biến đổi khí hậu, năm 2019 rất khô hạn không đủ nước cho nhà máy phát điện dẫn tới sản lượng điện đạt thấp, trong khi đó các chi phí: Khấu hao TSCĐ, lãi vay vốn những năm đầu còn cao dẫn đến bị lỗ nhiều và chưa có lợi nhuận trong năm.

### C. Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020.

Đề nghị Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động phê duyệt lựa chọn Công ty kiểm toán được UBCK Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

*Xin trân trọng báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội!*

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Bút**